

## PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỚI VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CỦA PHỤ NỮ THEO CEDAW

TS. HOÀNG THỊ MINH SƠN\*

Trong những thập niên gần đây phong trào bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ luôn luôn là một vấn đề sôi động ở tất cả các quốc gia. Điều này được thể hiện rõ nét trong thông điệp nhân 10 năm thực hiện Tuyên bố và kế hoạch hành động Bắc Kinh về quyền phụ nữ, Tổng thư kí Liên hợp quốc Kofi Annan đã kêu gọi cộng đồng quốc tế nỗ lực hơn nữa để tiếp tục cải thiện địa vị của phụ nữ trong xã hội và đạt được quyền bình đẳng về giới cho phụ nữ toàn cầu. Ông Kofi Annan nhấn mạnh: *"Quyền bình đẳng giới của phụ nữ và trao quyền cho phụ nữ là chìa khoá của hoà bình, quyền con người và phát triển. Không chỉ bình đẳng và loại trừ mọi hình thức phân biệt đối xử, phụ nữ còn phải được đảm bảo là đối tác bình đẳng và tham gia đầy đủ trong các tiến trình hoạch định chính sách, thực hiện chính sách và kế hoạch phát triển của mọi quốc gia"*.<sup>(1)</sup> Tổng thư kí Liên hợp quốc cũng khẳng định việc thực hiện các quyền của phụ nữ phải được coi là nghĩa vụ pháp lí của các quốc gia và cần tăng cường vai trò của Liên hợp quốc để hỗ trợ các nước thực hiện nghĩa vụ này. Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW) là văn kiện quốc tế đầu tiên có tính chất pháp lí nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ và xây dựng một chương trình nghị sự của Chính phủ để thúc đẩy quyền bình đẳng của phụ nữ. Công ước chỉ ra nguyên lí toàn diện nhằm loại trừ sự phân biệt giới tính dưới mọi hình thức. Tính cho đến tháng 10/2004 đã có 179 nước tham gia tham gia phê chuẩn CEDAW, 76 quốc gia đã đăng kí nghị

định thư không bắt buộc. Việt Nam là một trong những nước đầu tiên kí tham gia CEDAW<sup>(2)</sup> với những quyết tâm từng bước xoá bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ.

### 1. Quy định của CEDAW và pháp luật Việt Nam về quyền của phụ nữ

Điểm c Điều 2 của CEDAW quy định các nước tham gia Công ước lên án sự phân biệt đối xử với phụ nữ thể hiện dưới mọi hình thức, đồng thời áp dụng mọi hình thức thích hợp và không chậm trễ để theo đuổi chính sách loại trừ phân biệt đối xử với phụ nữ, nhằm mục đích cam kết thiết lập sự bảo vệ về mặt lập pháp các quyền của phụ nữ trên cơ sở bình đẳng với nam giới và thông qua các toà án quốc gia có thẩm quyền và các cơ quan nhà nước khác để bảo vệ phụ nữ một cách có hiệu quả chống lại mọi hành động phân biệt đối xử.

Là một trong những nước tham gia kí CEDAW, vấn đề bình đẳng giới ở Việt Nam luôn là vấn đề xuyên suốt trong chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Quyền bình đẳng nam nữ là một trong những quyền công dân, là một nội dung chính luôn được quan tâm trong lịch sử lập hiến của nước ta. Trong các bản hiến pháp của nước ta đều ghi nhận nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Ngay từ bản Hiến pháp dân chủ nhân dân đầu tiên, Hiến pháp năm 1946 và cũng là lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, phụ nữ Việt Nam được ghi nhận về mặt pháp lí

\* Giảng viên chính Khoa luật hình sự  
Trường Đại học Luật Hà Nội

ngang quyền với nam giới trên mọi lĩnh vực của đời sống, chính trị, xã hội...

## 2. Những quy định chung của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam trong việc bảo vệ quyền của phụ nữ

Nội luật hoá CEDAW trên cơ sở của Hiến pháp, luật tố tụng hình sự Việt Nam đã có những quy định cụ thể về vấn đề này như sau:

*Thứ nhất*, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật là một nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự.

Nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật không chỉ được quy định trong toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam mà còn được cụ thể hoá trong Bộ luật tố tụng hình sự. Bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật không chỉ là nguyên tắc hiến định mà còn là một nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự với nội dung: *"Tố tụng hình sự được tiến hành theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, nam nữ, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội"*.<sup>(3)</sup> Theo đó, khi tham gia tố tụng hình sự, là một công dân người phụ nữ cũng như bất kì công dân nào khác đều có các quyền và nghĩa vụ tố tụng như nhau theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào việc họ tham gia với tư cách tố tụng nào. Tuy nhiên, pháp luật tố tụng hình sự cũng quy định, bất cứ người nào phạm tội đều bị xử lí theo pháp luật, không phân biệt họ là nam hay nữ. Tại phiên toà, nếu tham gia tố tụng với tư cách bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án... không phân biệt họ là nam hay nữ, những người này đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra tài liệu, chứng cứ, đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh luận dân chủ trước toà án. Toà án có trách nhiệm tạo điều kiện cho

thực hiện các quyền này do pháp luật quy định nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án.<sup>(4)</sup>

*Thứ hai*, việc tạm giam đối với phụ nữ.

Xuất phát từ chức năng xã hội, chức năng làm mẹ, làm vợ; từ đặc điểm tâm - sinh lí của nữ giới mà pháp luật tố tụng hình sự cũng có những quy định đặc biệt nhằm tạo điều kiện tốt hơn để người phụ nữ khi tham gia tố tụng không chỉ thực hiện được quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình mà còn thực hiện cả chức năng xã hội, chức năng mà họ không thể và không dễ để bất cứ ai thực hiện thay mình. Điều này được thể hiện ở việc quy định về biện pháp tạm giam theo khoản 2 Điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) là đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi... mà có nơi cư trú rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ trường hợp bị can, bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã; bị can, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng tiếp tục phạm tội hoặc cố ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra, truy tố, xét xử; bị can, bị cáo phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ cho rằng nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia. Trong các biện pháp ngăn chặn được quy định tại BLTTHS thì tạm giam là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất được áp dụng đối với bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng; bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội. Thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước, nếu bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi mặc dù họ phạm tội trong những trường

hợp trên cũng không được áp dụng biện pháp tạm giam, trừ trường hợp đặc biệt. Nếu áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can, bị cáo là phụ nữ trong trường hợp này sẽ “*ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tâm lý của cả người mẹ và đứa trẻ. Người phụ nữ đang mang thai là đối tượng cần được chăm sóc đặc biệt cả về thể chất và tinh thần. Đứa trẻ dưới ba mươi sáu tháng tuổi hơn lúc nào hết rất cần được bàn tay chăm sóc của người mẹ*”.<sup>(5)</sup> Trong thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự đối với những trường hợp này phụ nữ thường được cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, thay vì phải áp dụng biện pháp tạm giam đối với nam giới nhằm đảm bảo sự có mặt của họ theo giấy triệu tập. Khi được áp dụng biện pháp này họ vẫn sống chung cùng gia đình dưới sự quản lý, theo dõi của uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi họ cư trú. Trong thời gian cấm đi khỏi nơi cư trú nếu họ có lí do chính đáng phải tạm thời đi khỏi nơi cư trú thì phải được sự đồng ý của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú và phải có giấy phép của cơ quan đã áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi để bị can, bị cáo có thể nhận được sự chăm sóc của gia đình khi mang thai cũng như khi sinh con, đảm bảo sức khỏe cho người mẹ cũng như đứa trẻ khi sinh ra không phải chịu thiệt thòi về việc chăm sóc y tế... đồng thời vẫn thực hiện được các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

*Thứ ba*, việc tiến hành khám xét đối với phụ nữ.

Trong quá trình tiến hành điều tra vụ án hình sự, cơ quan điều tra được quyền tiến hành các biện pháp điều tra cần thiết theo quy định của pháp luật để thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ phục vụ cho việc xác định sự thật khách quan của vụ án nhằm giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi tiến

hành các hoạt động điều tra, cơ quan điều tra phải tuân thủ những quy định quy định của BLTTHS trong việc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân trong đó có phụ nữ. Mặc dù là đối tượng bị buộc tội nhưng đối với phụ nữ, pháp luật luôn có những quy định nhằm đảm bảo danh dự, nhân phẩm cho họ. Khoản 2 Điều 142 BLTTHS quy định: “*Khi khám người thì nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người cùng giới chứng kiến*”. Khoản 2 Điều 152 BLTTHS cũng quy định: “*Việc xem xét thân thể phải do người cùng giới tiến hành và phải có người cùng giới chứng kiến... Không được xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm hoặc sức khỏe của người bị xem xét thân thể*”.

*Thứ tư*, việc xử phạt và thi hành hình phạt tù hình đối với phụ nữ.

Trong giai đoạn xét xử, khi nghị án và quyết định áp dụng hình phạt đối với bị cáo là phụ nữ, toà án không được áp dụng hình phạt tù hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử.

Khi bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật, mặc dù là người bị toà án kết tội, người phụ nữ vẫn luôn được pháp luật bảo vệ, kể cả trường hợp họ đã bị toà án tuyên phạt với mức hình phạt cao nhất là tù hình. Pháp luật tố tụng hình sự quy định thủ tục xem xét bản tử hình rất chặt chẽ, trước khi đưa ra thi hành và đặc biệt là đối với phụ nữ.

Trong trường hợp người bị kết án là phụ nữ thì khi ra quyết định thi hành án, chánh án toà án đã xét xử sơ thẩm phải tổ chức kiểm tra các điều kiện không áp dụng hình phạt tù hình đối với phụ nữ được quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự là không thi hành hình phạt tù hình đối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Nếu có căn cứ cho rằng

người bị kết án là phụ nữ đang có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì chánh án toà án đã xét xử sơ thẩm không ra quyết định thi hành án và báo cáo chánh án Toà án nhân dân tối cao để xem xét chuyển hình phạt tù hình thành tù chung thân cho người bị kết án.

Mặc dù đã được kiểm tra rất chặt chẽ về điều kiện không áp dụng hình phạt tù hình đối với phụ nữ trước khi ra quyết định thi hành án nhưng trước khi thi hành án tù hình đối với người bị kết án là phụ nữ thì hội đồng thi hành án ngoài việc kiểm tra căn cước, phải kiểm tra các tài liệu liên quan đến điều kiện không thi hành án tù hình một lần nữa. Nếu hội đồng thi hành án phát hiện người bị kết án là phụ nữ có điều kiện không thi hành án tù hình được quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự thì hội đồng thi hành án hoãn thi hành án và báo cáo chánh án toà án đã ra quyết định thi hành án để báo cáo chánh án Toà án nhân dân tối cao xem xét chuyển hình phạt tù hình thành tù chung thân cho người bị kết án.<sup>16)</sup>

*Thứ năm*, việc thi hành hình phạt tù đối với phụ nữ.

Đối với người bị kết án bị xử phạt tù đang tại ngoại (chưa chấp hành hình phạt) là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì chánh án toà án đã ra quyết định thi hành án có thể tự mình hoặc theo đề nghị của viện kiểm sát, cơ quan công an cùng cấp hoặc người bị kết án cho hoãn chấp hành hình phạt tù cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi.

Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì chánh án toà án đã ra quyết định thi hành án có thể cho họ tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

Trong thời gian chấp hành hình phạt tù phạm nhân nữ được hưởng chế độ giam giữ và sinh hoạt như sau:

- Chế độ giam giữ.

Đối với phạm nhân là phụ nữ bị tạm giam hoặc trong thời gian chấp hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân thì họ phải được giam giữ ở một khu riêng biệt trong trại giam theo chế độ quản lí, lao động, sinh hoạt phù hợp với giới tính, sức khoẻ và độ tuổi. Trường hợp người bị tạm giam hoặc phạm nhân là người chưa thành niên thì ngoài việc được giam riêng theo giới tính, pháp luật còn quy định không được giam chung với người đã thành niên. Nếu người bị tạm giam hoặc phạm nhân đã đủ 18 tuổi thì mới chuyển người đó sang chế độ giam giữ người thành niên.

- Chế độ sinh hoạt và chế độ lao động cải tạo.

Chế độ sinh hoạt của phạm nhân nữ cũng được pháp luật quy định chặt chẽ nhằm đảm bảo đủ để họ có thể duy trì sinh hoạt hàng ngày. Phạm nhân nữ được miễn lao động độc hại. Phạm nhân được nghỉ lao động nếu có con nhỏ đang ở cùng trong trại bị ốm được y, bác sĩ của trại xác định; ốm đau được y, bác sĩ của trại giam xác định; đang nằm điều trị tại trạm xá, bệnh xá, bệnh viện.

- Chế độ đối với phạm nhân có thai hoặc nuôi con nhỏ.

Đối với phạm nhân đang có thai được ở buồng giam rộng, ít người, đảm bảo ánh sáng, vệ sinh; được đi khám thai định kì hoặc đột xuất, được chăm sóc y tế trong trường hợp cần thiết. Phạm nhân có thai được nghỉ trước và sau khi sinh con theo quy định của Bộ luật lao động. Trong thời gian nghỉ sinh con, phạm nhân được hưởng các chế độ theo quy định của Nhà nước và theo chỉ dẫn của y, bác sĩ. Trường hợp phạm nhân sinh con trong trại giam thì ban giám thị trại giam có trách nhiệm thông báo cho uỷ ban nhân dân cấp xã nơi có trại giam. Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các

thủ tục về đăng kí khai sinh theo quy định của pháp luật về hộ tịch. Sau khi phạm nhân sinh con, nếu không được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 62 Bộ luật hình sự thì được ở cùng con trong một nhà giam. Khi con được 36 tháng tuổi thì gửi về gia đình hoặc người thân nuôi dưỡng. Trường hợp không có người chăm sóc, nuôi dưỡng thì giám thị trại giam liên hệ với uỷ ban nhân dân cấp xã nơi phạm nhân cư trú trước khi chấp hành hình phạt để gửi cháu cho các tổ chức nuôi dưỡng trẻ mồ côi. Trong trường hợp này phạm nhân được thông tin đầy đủ và chính xác về tổ chức nhận nuôi và tình hình sức khoẻ của đứa trẻ.

Phạm nhân nữ được phép mang con đẻ vào trại giam để chăm sóc cho đến khi con tròn 36 tháng tuổi nếu không có người chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi con của phạm nhân tròn 36 tháng tuổi thì phải được giải quyết như đối với trường hợp phạm nhân sinh con trong trại giam.

Ngoài ra, trại giam còn phải dành một khu riêng biệt, thoáng mát, sạch sẽ để làm nhà trẻ và phải bố trí người trông giữ trẻ. Ngoài giờ làm việc bắt buộc, phạm nhân được ở cùng với con của mình trong trại giam.

Tóm lại, mặc dù là đối tượng bị buộc tội nhưng kể cả trường hợp bị tạm giam, bị khám xét hay phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị từ hình, căn cứ vào đặc điểm giới tính pháp luật tổ tụng hình sự đã có những quy định phù hợp để phụ nữ khi tham gia tố tụng không bị xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm đồng thời vẫn có điều kiện để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

### 3. Kết luận

Việt Nam chúng ta đã kí và phê chuẩn Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, luôn coi trọng, bảo vệ, phát huy các quyền của phụ nữ, tạo mọi

điều kiện cho phụ nữ đóng vai trò tích cực trong mọi lĩnh vực đời sống thông qua việc tăng cường khuôn khổ pháp lí, chính sách về quyền phụ nữ, bảo đảm phụ nữ thật sự là chủ nhân của gia đình và xã hội, hoàn toàn bình đẳng với nam giới trong mọi lĩnh vực đời sống, chính trị, kinh tế, xã hội.<sup>(7)</sup> Với nỗ lực của cộng đồng quốc tế, trong những năm đầu của thế kỉ XXI, phụ nữ không chỉ nhận thức rõ hơn các quyền và địa vị của mình trong xã hội mà còn khẳng định mình bằng khả năng thực hiện các quyền đó một cách có hiệu quả. Tuy nhiên, để thực hiện CEDAW có hiệu quả đòi hỏi cần phải xác định bình đẳng nam nữ là quốc sách cơ bản thể hiện sự quyết tâm thúc đẩy bình đẳng nam nữ và bảo đảm quyền lợi của phụ nữ; nỗ lực ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ; thực hiện chương trình hành động chống buôn bán phụ nữ và trẻ em, coi trọng hợp tác khu vực trong điều tra, truy tố và xét xử đối với loại tội phạm này vì trẻ em là tương lai của nhân loại và bà mẹ là người bảo vệ tương lai đó. Những bà mẹ và trẻ em khoẻ mạnh là nền tảng của một dân tộc, một quốc gia và toàn thế giới vững mạnh, thịnh vượng.<sup>(8)</sup> Cải thiện và thực hiện bình đẳng giới không chỉ là trách nhiệm của mỗi quốc gia mà còn là trách nhiệm lớn của cả cộng đồng thế giới./

(1). "Liên hợp quốc kêu gọi nỗ lực hơn nữa để cải thiện địa vị của phụ nữ".

(2). Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Nxb. Phụ nữ, Hà Nội 2004, tr. 5.

(3). Xem: Điều 5 BLTTTHS.

(4). Xem: Điều 19 BLTTTHS.

(5). Xem: ThS. Đỗ Thị Phương, "Người phụ nữ trong pháp luật tổ tụng hình sự Việt Nam và một số nước trong khu vực", Tạp chí luật học, Đặc san về bình đẳng giới năm 2005, tr. 55.

(6). Xem: Điều 259 BLTTTHS.

(7), (8). Xem: Phương Bình: "Cải thiện địa vị của phụ nữ". Nhân dân hàng tháng số 102/2005, tr. 33, 34.

thù tặc về đăng kí khai sinh theo quy định của pháp luật về hộ tịch. Sau khi phạm nhân sinh con, nếu không được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 62 Bộ luật hình sự thì được ở cùng con trong một nhà giam. Khi con được 36 tháng tuổi thì gửi về gia đình hoặc người thân nuôi dưỡng. Trường hợp không có người chăm sóc, nuôi dưỡng thì giám thị trại giam liên hệ với uỷ ban nhân dân cấp xã nơi phạm nhân cư trú trước khi chấp hành hình phạt để gửi cháu cho các tổ chức nuôi dưỡng trẻ mồ côi. Trong trường hợp này phạm nhân được thông tin đầy đủ và chính xác về tổ chức nhận nuôi và tình hình sức khoẻ của đứa trẻ.

Phạm nhân nữ được phép mang con đẻ vào trại giam để chăm sóc cho đến khi con tròn 36 tháng tuổi nếu không có người chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi con của phạm nhân tròn 36 tháng tuổi thì phải được giải quyết như đối với trường hợp phạm nhân sinh con trong trại giam.

Ngoài ra, trại giam còn phải dành một khu riêng biệt, thoáng mát, sạch sẽ để làm nhà trẻ và phải bố trí người trông giữ trẻ. Ngoài giờ làm việc bắt buộc, phạm nhân được ở cùng với con của mình trong trại giam.

Tóm lại, mặc dù là đối tượng bị buộc tội nhưng kể cả trường hợp bị tạm giam, bị khám xét hay phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tử hình, căn cứ vào đặc điểm giới tính pháp luật tổ tụng hình sự đã có những quy định phù hợp để phụ nữ khi tham gia tố tụng không bị xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm đồng thời vẫn có điều kiện để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

### 3. Kết luận

Việt Nam chúng ta đã kí và phê chuẩn Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, luôn coi trọng, bảo vệ, phát huy các quyền của phụ nữ, tạo mọi

điều kiện cho phụ nữ đóng vai trò tích cực trong mọi lĩnh vực đời sống thông qua việc tăng cường khuôn khổ pháp lí, chính sách về quyền phụ nữ, bảo đảm phụ nữ thật sự là chủ nhân của gia đình và xã hội, hoàn toàn bình đẳng với nam giới trong mọi lĩnh vực đời sống, chính trị, kinh tế, xã hội.<sup>(7)</sup> Với nỗ lực của cộng đồng quốc tế, trong những năm đầu của thế kỉ XXI, phụ nữ không chỉ nhận thức rõ hơn các quyền và địa vị của mình trong xã hội mà còn khẳng định mình bằng khả năng thực hiện các quyền đó một cách có hiệu quả. Tuy nhiên, để thực hiện CEDAW có hiệu quả đòi hỏi cần phải xác định bình đẳng nam nữ là quốc sách cơ bản thể hiện sự quyết tâm thúc đẩy bình đẳng nam nữ và bảo đảm quyền lợi của phụ nữ; nỗ lực ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ; thực hiện chương trình hành động chống buôn bán phụ nữ và trẻ em, coi trọng hợp tác khu vực trong điều tra, truy tố và xét xử đối với loại tội phạm này vì trẻ em là tương lai của nhân loại và bà mẹ là người bảo vệ tương lai đó. Những bà mẹ và trẻ em khoẻ mạnh là nền tảng của một dân tộc, một quốc gia và toàn thế giới vững mạnh, thịnh vượng,<sup>(8)</sup> cải thiện và thực hiện bình đẳng giới không chỉ là trách nhiệm của mỗi quốc gia mà còn là trách nhiệm lớn của cả cộng đồng thế giới./

(1). "Liên hợp quốc kêu gọi nỗ lực hơn nữa để cải thiện địa vị của phụ nữ".

(2). Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội 2004, tr. 5.

(3). Xem: Điều 5 BLTTHS.

(4). Xem: Điều 19 BLTTHS.

(5). Xem: ThS. Đỗ Thị Phượng, "Người phụ nữ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và một số nước trong khu vực", Tạp chí luật học, Đặc san về bình đẳng giới năm 2005, tr. 55.

(6). Xem: Điều 259 BLTTHS.

(7), (8). Xem: Phương Bình: "Cải thiện địa vị của phụ nữ". Nhân dân hàng tháng số 102/2005, tr. 33, 34.